

Một số vấn đề tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới

Lương Xuân Quý*, Lê Du Phong**, Mai Ngọc Cường***, Đỗ Đức Bình****, Hoàng Văn Hoa*****

Ngày nhận: 10/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/9/2015

Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

Tóm tắt:

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài cấp nhà nước “Tư duy mới về phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới” mã số KX01.12/11-15, các tác giả bài viết đã đề xuất những tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới, liên quan đến việc đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, về chủ nghĩa xã hội, về kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam, về sở hữu và thành phần kinh tế, về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, về Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng, về xã hội dân sự, về thể chế kinh tế, về chủ thể của nền kinh tế, về hội nhập kinh tế và độc lập tự chủ, về mô hình phát triển bền vững, thoát bẫy thu nhập trung bình ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tư duy mới, phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam, bối cảnh mới

New thinking of socio-economic development in Vietnam in the new context

Abstract:

From the findings of the research project KX01.12/11-15 “New thinking of social-economic development in Vietnam in the new context”, this paper proposes new thinking of socio-economic development in Vietnam in the new context regarding the following topics: assessment of socio-economic development; socialism; modern market economy; ownership types and economic sectors; economic and political reforms; ruling party; civil society; economic institutions; economic actors; economic integration; independence - sovereignty; sustainable development model.

Keywords: New thinking; socio-economic development; Vietnam; new context.

1. Đặt vấn đề

Sau gần ba mươi năm thực hiện đường lối đổi mới, sự phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh mới trên phạm vi quốc tế cũng như trong nước, với sự đan xen của những cơ hội và thách thức, những thuận lợi và khó khăn.

Trên phạm vi quốc tế, hầu hết các nền kinh tế đều lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường với các màu sắc khác nhau. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) nhanh

như vũ bão, các quốc gia đều phải thay đổi tư duy nhận thức về hợp tác quốc tế, nắm bắt và tận dụng tốt thành tựu của cuộc cách mạng KH&CN, cùng chung sức phòng ngừa, giảm thiểu và giải quyết các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, biến đổi khí hậu, đưa đất nước bứt phá, phát triển nhanh và bền vững.

So với những năm đầu đổi mới, quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam với các nước đã có nhiều thay đổi. Việt Nam đã là thành viên của nhiều tổ chức kinh tế quốc tế, đã ký kết và tham gia nhiều

hiệp định song phương và đa phương. Từ 1/1/2015, Việt Nam hoàn toàn mở cửa thị trường bán lẻ theo cam kết WTO. Ngày 05/5/2015, Việt Nam ký Hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, ngày 29/5/2015 ký FTA Việt Nam – Liên minh kinh tế Á – Âu. Việt Nam đã cũng 11 nước thành viên đang xúc tiến hoàn tất đàm phán để sớm ký Hiệp định hợp tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP). Sắp tới, ngày 31/12/2015, Việt Nam sẽ chính thức tham gia vào cộng đồng ASEAN, trong đó có cộng đồng kinh tế ASEAN.

Với quan điểm, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế giữa Việt Nam với các nước Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga và Châu Âu,... ngày càng sâu và nâng cấp. Đặc biệt gần đây, từ đối đầu, thù địch, Việt Nam và Hoa Kỳ đã xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện và rất nhiều khả năng trong tương lai không xa, mối quan hệ này có thể được nâng lên ở cấp cao hơn. Tất cả những điều đó đang là cơ hội, tạo các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Tuy nhiên, tình hình quốc tế luôn có những biến động khôn lường, đặc biệt gần đây là vấn đề tranh chấp lợi ích kinh tế trên biển Đông đang đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải có chiến lược, chính sách phù hợp để kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục phát triển, rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực, vừa hội nhập kinh tế quốc tế thành công vừa giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế.

Ở trong nước, sau gần ba mươi năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, kinh tế- xã hội Việt Nam đã có bước phát triển và đạt được nhiều thành tựu; năm 2010, được Ngân hàng thế giới xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình, góp phần nâng vị thế của Việt Nam trên thế giới.

Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực thì những thành tựu đạt được hiện nay chưa thật sự tương xứng với tiềm năng và sức mạnh Việt Nam. Năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế Việt Nam thấp, năng suất lao động xã hội thấp, nhiều cơ hội và nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội đang tiếp tục bị lãng phí. Mặc dù Việt Nam được xếp vào nước có thu nhập trung bình nhưng đó là mức thu nhập trung bình thấp, thu nhập bình quân đầu người còn thấp khá xa so với các nước trong khu vực cũng như so với chuẩn tối thiểu của một

nước công nghiệp hiện đại. Năm 2014 GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt 2.052 USD, gấp 21 lần năm 1990, nhưng chỉ tương đương với Malaysia vào năm 1993, Indonesia năm 2008, Philippines năm 2010, Hàn Quốc năm 1982. Hiện nay, GDP bình quân đầu người của Việt Nam chỉ bằng 3/5 Indonesia, 2/5 Thái Lan, 1/5 Malaysia, 1/14 Hàn Quốc và bằng 1/27 Singapore. Đồng thời, xét trên góc độ GDP bình quân đầu người, Việt Nam đi sau Hàn Quốc khoảng 30-35 năm, Malaysia 25 năm, Thái Lan 20 năm (Tổng cục thống kê, 2015). Sự tụt hậu và bẫy thu nhập trung bình đang là hiện hữu đối với nước ta.

Trước bối cảnh đó, để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi, phát triển nhanh và vững chắc, tránh tụt hậu, thoát “bẫy thu nhập trung bình”, đòi hỏi Việt Nam, trước hết là các nhà lãnh đạo cao cấp phải tiếp tục đổi mới tư duy, khơi dậy và chấp nhận những tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nội dung tư duy mới về phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới

2.1. Cần có tư duy mới trong đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Vấn đề có ý nghĩa bao trùm là cần có tư duy mới trong đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Qua gần ba mươi năm đổi mới, mặc dù đạt được một số thành tựu, nhưng nếu so với một số nước và vùng lãnh thổ trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, chỉ trong vòng 20 đến 30 năm họ đã có những bước phát triển “thần kỳ” đưa đất nước từ một nước lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá thành một nước phát triển; hay bên cạnh là nước láng giềng Trung Quốc, có cùng điểm xuất phát như Việt Nam, nhưng sau hơn 30 năm cải cách đã mang lại thành tựu thần kỳ, đưa đất nước có GDP tính theo sức mua tương đương (PPP) tăng lên nhanh chóng; từ một nước kinh tế xếp hàng thứ 6 thế giới năm 2005 thành nền kinh tế thứ 2 trên thế giới năm 2007, sau nước Mỹ (“Kinh tế cộng hòa nhân dân Trung Hoa” 2015).

Trong khi đó, nước ta sự nghiệp đổi mới đã được thực hiện gần 30 năm nhưng những bước tiến đạt được còn ngắn, chưa có được sự phát triển “thần kỳ”, nền kinh tế không phải đã thoát ra khỏi nguy cơ tụt hậu, mà tụt hậu đã hiện hữu, biểu hiện rõ nét ở năng suất lao động xã hội rất thấp. Năm 2013 năng suất lao động của Việt Nam được xếp vào nhóm

thấp nhất của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Singapore 15 lần, Nhật Bản 11 lần, Hàn Quốc 10 lần, Malaysia 5 lần, Thái Lan 2,5 lần. Việt Nam là 1 trong 3 nước có năng suất lao động thấp nhất ASEAN, chỉ cao hơn Myanmar và Campuchia (Viết Cường, 2015). Vì thế, trong đánh giá, chúng ta không chỉ dừng lại ở chỗ tự mình so mình cho là mình có nhiều thành tựu, mà cần phải thường xuyên nhìn sang các nước xung quanh để xem so với các nước này, chúng ta đạt được đến đâu. Có như vậy mới thấy được mình đang còn thua kém các nước đó ở chỗ nào? Vì sao mình thua kém họ? từ đó tìm ra những giải pháp mang tính đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội, tránh được nguy cơ ngày càng tụt hậu. Nói cách khác, trong đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước không chỉ so sánh năm sau so với năm trước của bản thân nước ta mà phải so với các nước trên thế giới và trong khu vực.

2.2. Tư duy về chủ nghĩa xã hội

Cách mạng Tháng Tám thành công, Việt Nam lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chỉ đến 1989 Việt Nam mới thực sự có hòa bình để bước vào thời kỳ xây dựng đất nước. Đó cũng là thời điểm mà phe xã hội chủ nghĩa (XHCN) do Liên Xô (cũ) khởi xướng bước vào khủng hoảng và tan rã. Như vậy, Việt Nam mới đi những bước đầu tiên trên con đường XHCN với cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, theo đó phủ định nền kinh tế thị trường. Dù phe XHCN thế giới sụp đổ và tan rã nhưng Việt Nam vẫn giữ con đường XHCN với quyết tâm đổi mới với nhiều cải cách và thay đổi so với mô hình cũ, và trong đường lối kinh tế thì chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường.

Cho đến Đại hội lần thứ XI, Đảng cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định đường lối chung là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đòi hỏi của thực tiễn phát triển là phải làm rõ XHCN mà ta hướng tới là xã hội gì, có hình thể ra sao? Tất nhiên đó không thể là XHCN kiểu cũ, đã bị bác bỏ trên phạm vi toàn cầu, mà phải là mô hình mới. Đến nay, có một số nước tuyên bố kiên trì con đường XHCN nhưng chưa nước nào đưa ra được mô hình XHCN mới, tất cả đều đang trong quá trình cải cách, tìm tòi, thử nghiệm. Trong văn kiện Đại hội lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đưa ra 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, tr.70). Song như thế đã là khách quan và phù hợp hay chưa thì vẫn đòi hỏi cần phải tiếp tục

có sự nghiên cứu.

Lịch sử phát triển cho thấy, loài người đã trải qua nhiều chế độ xã hội khác nhau: xã hội nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa. Mỗi chế độ xã hội có kiểu tổ chức khác nhau, nhưng đều có một nét chung là xã hội sau kế tiếp xã hội trước thì đều là xã hội tốt đẹp hơn so với xã hội tiền nhiệm của nó cả về mặt kinh tế và chính trị - xã hội. Về kinh tế, xã hội sau có hình thức tổ chức kinh tế tiến bộ hơn; lực lượng sản xuất phát triển ở trình độ cao hơn, năng suất lao động cao hơn, của cải xã hội dồi dào, phồn thịnh hơn so với xã hội trước. Về mặt chính trị - xã hội, xã hội sau bình đẳng hơn, tự do hơn, dân chủ hơn, văn minh hơn.

Theo tư duy như thế, mặc dù chưa được kiểm nghiệm, nhưng những đặc điểm cơ bản của xã hội XHCN, xã hội tiếp theo của xã hội tư bản chủ nghĩa chắc chắn là một xã hội phồn thịnh, bình đẳng, tự do, dân chủ và văn minh hơn so với chủ nghĩa tư bản. Điều này là không thể phủ nhận. Chính vì thế chúng tôi kiến nghị, nên coi chủ nghĩa xã hội là: *dân giàu, nước mạnh, tự do, dân chủ, công bằng và văn minh*. Đây là những mục tiêu hiện hữu. Cho dù, hiện nay, nhiều mặt nước ta còn chưa đạt được và còn kém xa so với chủ nghĩa tư bản, nhưng chúng ta có thể từng bước phấn đấu đạt được những mục tiêu đó.

2.3. Tư duy về nền kinh tế thị trường

Theo chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam, thì nền kinh tế thị trường Việt Nam đang xây dựng là: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và cho rằng nó là: “Nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của nền kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2008).

Chúng tôi cho rằng, một nền kinh tế mà chịu sự tác động cùng một lúc của hai loại quy luật trái chiều (quy luật của nền kinh tế thị trường và quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội) thì chỉ có thể tạo ra lực cản chứ không thể là lực đẩy đối với sự phát triển. Mặt khác, định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là hiện tại chưa có chủ nghĩa xã hội, và cũng chưa thể biết là đến bao giờ mới có. Vì thế chúng tôi đề nghị không dùng khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà dùng khái niệm nền *kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam*.

Mô hình kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam vừa

bao hàm các mục tiêu, giá trị căn bản của nền kinh tế thị trường, song vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù, riêng có - yếu tố “Việt Nam” trong mô hình. Nội hàm của mô hình có thể làm rõ về các đặc trưng trong nền kinh tế thị trường hiện đại của Việt Nam. Trước hết, đó là một nền kinh tế được quản lý bởi Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thể chế chính trị này ở một mức độ nhất định phù hợp với những tôn chỉ của Đảng ta là: dân giàu, nước mạnh, tự do, dân chủ, công bằng và văn minh. Hơn nữa, thể chế chính trị này **còn là một nhân tố quyết định sự ổn định cần thiết** cho phát triển kinh tế có hiệu quả và bền vững, **khắc phục những khiếm khuyết** của cơ chế thị trường tự do thuần túy. Bên cạnh đó, thể chế chính trị này cũng phát huy tinh thần tự hào dân tộc Việt, tạo thành động lực to lớn trong xây dựng năng lực cạnh tranh **của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá**. Tận dụng những lợi thế trong địa chính trị và địa kinh tế của đất nước cũng sẽ góp phần làm tăng bản sắc Việt Nam của nền kinh tế. Tư duy mới về lựa chọn mô hình kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam hoàn toàn đáp ứng được những xu thế của thời đại và yêu cầu phát triển của đất nước.

2.4. Tư duy về sở hữu và thành phần kinh tế

Cần nhận thức lại tư duy về sở hữu và thành phần kinh tế bởi:

Thứ nhất, hiện nay, Việt Nam vẫn khẳng định có 3 chế độ sở hữu: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Điều này chưa phù hợp với các nền kinh tế thị trường;

Thứ hai, hiện nay Đảng ta ghi nhận có 4 thành phần kinh tế là: thành phần kinh tế nhà nước, thành phần kinh tế tập thể, thành phần kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế có vốn FDI,... trong đó, thành phần kinh tế nhà nước bao gồm ngân sách, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia, tài nguyên, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội,... và các doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Quan niệm về thành phần kinh tế nhà nước như trên là sự nhầm lẫn, không phù hợp cả về lý luận và thực tiễn, dẫn đến sự bất bình đẳng ngay từ cách nhìn nhận;

Thứ ba, xác định vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước chưa đúng với chức năng của nó, nên vừa làm cho doanh nghiệp nhà nước không thực hiện được vai trò mà nó không có, làm yếu chức năng vốn có của nó, lại vừa tạo ra sự bất bình đẳng giữa

các loại hình tổ chức doanh nghiệp.

Thứ tư, xác định vai trò của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng không phù hợp với thực tiễn. Xuất phát từ đó, chúng tôi kiến nghị:

(i) Trong nền kinh tế chỉ có hai chế độ sở hữu là chế độ sở hữu công và chế độ sở hữu tư;

(ii) Xuất phát từ quan điểm coi thành phần kinh tế là các loại hình doanh nghiệp dựa trên các hình thức sở hữu khác nhau và căn cứ vào vốn chủ sở hữu đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chúng tôi kiến nghị có ba thành phần kinh tế hay ba khu vực kinh tế là:

- Thành phần kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước;

- Thành phần kinh tế tư nhân bao gồm các doanh nghiệp tư nhân;

- Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(iii) Ba thành phần kinh tế nêu trên tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, trong đó thành phần kinh tế nhà nước có chức năng tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội; thành phần kinh tế tư nhân và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra hiệu quả kinh tế thuần cho nền kinh tế, thực hiện vai trò động lực phát triển kinh tế.

2.5. Tư duy về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, về Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng

Trong 30 năm qua, Việt Nam chủ yếu tập trung cho việc đổi mới kinh tế, nhờ đó trong lĩnh vực này đã thu được những thành tựu khá ấn tượng. Tuy nhiên, về mặt chính trị chúng ta chưa đổi mới được bao nhiêu, nhất là các tư duy về: chủ nghĩa xã hội, về đấu tranh giai cấp, về Đảng cầm quyền, về Nhà nước pháp quyền, về xã hội dân sự,... Bởi thế, trên nhiều lĩnh vực, nhận thức về chính trị đã không còn phù hợp với sự phát triển thực tiễn của đất nước, một số vấn đề đã trở thành lực cản đối với sự phát triển của kinh tế nói riêng, của đất nước nói chung. Cụ thể là:

- Đổi mới chính trị đã diễn ra rất chậm và ít hiệu quả, chưa thực sự gắn liền với đổi mới kinh tế. Về cơ bản, hệ thống chính trị và mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý trong thời kỳ đổi mới chưa có sự thay đổi đáng kể. Chưa hình thành một hệ thống lý luận về đổi mới hệ thống chính trị trong

mô hình kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam, nhất là trong chặng đầu của thời kỳ quá độ.

- Trong nhận thức, đã đồng nhất chính trị với hệ thống chính trị, chưa phân biệt rõ giữa đổi mới chính trị với đổi mới hệ thống chính trị. Một số nội dung về đổi mới chính trị chưa được làm rõ như: nội hàm của “đổi mới chính trị” là gì? đổi mới chính trị “phù hợp” với đổi mới kinh tế là thế nào, thế nào là phù hợp, và mức độ và tiêu chí đánh giá sự phù hợp?

- Trong tổ chức hệ thống chính trị hiện nay đang có sự song trùng quyền lực giữa Đảng và Chính quyền ở các cấp và có xu hướng hành chính hóa các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, thậm chí cả các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Điều đó làm cho bộ máy tổ chức của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay quá cồng kềnh, phương thức hoạt động lạc hậu, mang nặng tính hình thức, chi phí cho hoạt động của bộ máy quá lớn, song hiệu quả hoạt động thấp, không đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

- Nhận thức và tư duy về một số vấn đề quan trọng liên quan đến Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng còn thiếu tính hệ thống, chưa được lý giải một cách rõ ràng, nhất quán như: Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và nhà nước quản lý chưa được thể chế hóa. Nhiều vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam chưa được xác định rõ, một số vấn đề nêu lên có tính nguyên tắc về vai trò lãnh đạo của Đảng chưa được luận giải một cách thực sự có căn cứ khoa học; Chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, chức năng, mô hình, cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong điều kiện có một đảng độc quyền lãnh đạo. Chưa có nhận thức rõ ràng, nhất quán về vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường hiện do một đảng duy nhất lãnh đạo; Thiếu sự nhất quán và còn có khoảng cách rất lớn giữa tư duy, nhận thức, giữa những nội dung được nêu trong văn bản với việc triển khai, thực thi trong đời sống thực tiễn về các vấn đề như mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và nhà nước quản lý, nhà nước pháp quyền, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; chưa có luật về Đảng cộng sản Việt Nam.

Xuất phát từ đó, nhóm tác giả cho rằng:

(i) Phải đổi mới chính trị để thực sự mở đường cho đổi mới kinh tế, gắn một cách chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị bao gồm tư tưởng chính trị và hệ thống chính trị: Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội (xã hội dân sự), và phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Sớm khắc phục sự cồng kềnh, trùng lặp của 03 tổ chức bộ máy đó là bộ máy tổ chức Đảng, bộ máy tổ chức chính quyền (Nhà nước) và bộ máy các đoàn thể chính trị xã hội. Trước hết, nghiên cứu cải tổ để thống nhất hai cơ quan quyền lực Đảng và Chính quyền các cấp thành một cơ quan quyền lực duy nhất mà vẫn đảm bảo được vai trò cầm quyền của Đảng ta.

(ii) Cần thay đổi cơ cấu và cơ chế hoạt động của Đảng, chỉnh đốn và xây dựng lại Đảng về tổ chức cùng với đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; để Đảng thật sự đại diện ý chí và lợi ích của nhân dân, là trí tuệ và lương tâm của dân tộc, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm, từ đó tạo nên sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc hướng vào mục tiêu chung dân giàu, nước mạnh, tự do, dân chủ, công bằng, văn minh. Không để người dân đứng ngoài quá trình phát triển, kể cả quá trình hoạch định chiến lược, chính sách đến tổ chức và kiểm tra thực hiện.

(iii) Yếu tố quyết định sự phát triển trong điều kiện mới là: Lãnh đạo anh minh, trong sáng; toàn dân đoàn kết, dân tộc Việt Nam là một khối thống nhất.

(iv) Cải cách tổ chức hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp chuyển sang mô hình tự chủ.

Cùng với tổ chức bộ máy là xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó có đội ngũ cán bộ lãnh đạo phải bao gồm những người có tâm, có tầm, biết đặt lợi ích chung của đất nước lên trên lợi ích cá nhân, biết khơi dậy, lắng nghe và chấp nhận ý kiến của các phản biện, chuyên gia để đưa vào quá trình xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách đã ban hành. Đến năm 2013, đội ngũ cán bộ làm việc trong các cơ quan Đảng, tổ chức Chính trị-Xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc của Việt Nam là 1.687.000 người (Lê Du Phong, 2015). Đến nay chắc con số này là còn lớn hơn hơn. Trong những năm gần đây, việc tuyển chọn đội ngũ cán bộ của Việt Nam có chú ý hơn đến trình độ chuyên môn, trình độ tin học và trình độ ngoại ngữ, song về cơ bản cách tuyển chọn, bồi

dưỡng, bố trí sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ này vẫn như cũ, tức là vẫn dựa vào lý lịch, vào thành phần giai cấp là chính. Điều đáng quan ngại là, ở nơi này, nơi khác, khâu này khâu khác, một loạt các tiêu cực mới nảy sinh trong việc tuyển chọn. Điều này dẫn đến hậu quả là: Cán bộ thì đông, tiền của dân chi trả cho họ ngày càng nhiều, nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy thì kém, thừa quyền hành nhưng thiếu trách nhiệm, tình trạng tham nhũng trong bộ máy ngày càng gia tăng.

Vì vậy các tác giả cho rằng, phải thay đổi tư duy về công tác tổ chức bộ máy quyền lực và yêu cầu phương pháp tuyển chọn đội ngũ cán bộ thì mới hy vọng tạo dựng được cho đất nước một hệ thống tổ chức thống nhất, một đội ngũ cán bộ vừa có tâm vừa có tầm. Hướng đổi mới như sau:

(i) Cơ chế kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm minh việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ.

(ii) Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp phải được lấy phiếu tín nhiệm hàng năm, nếu mức tín nhiệm dưới 40% là miễn nhiệm, từ 40-50% cho tiếp tục làm, nhưng năm sau mức độ tín nhiệm không tăng thì cũng miễn nhiệm.

(iii) Xây dựng văn hóa từ chức cho đội ngũ cán bộ các cấp. Cán bộ phải tự nguyện từ chức khi không hoàn thành tốt trách nhiệm được giao, khi không thực hiện được lời hứa trước tập thể và nhân dân.

(iv) Tuyển chọn cán bộ phải công khai, minh bạch. Công khai, minh bạch trước công chúng của một đơn vị, một địa phương, hay cả nước là tùy từng loại cán bộ mà áp dụng. Đối với người lãnh đạo, cho dù ở cấp nào cũng vậy, người dân phải được lựa chọn trực tiếp trên cơ sở các chương trình, kế hoạch mà người tranh cử đưa ra.

(v) Cần chuyển dần các tổ chức chính trị-xã hội sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tập trung nguồn lực tăng lương cho đội ngũ quản lý nhà nước, nhằm tạo ra một bộ máy mạnh và trong sạch thực sự là công bộc của dân.

2.6. Tư duy về xã hội dân sự

Kinh nghiệm các nền kinh tế thị trường cho thấy, trong nền kinh tế thường xuyên diễn ra mối quan hệ giữa ba bên: doanh nghiệp - người dân và Nhà nước. Mỗi thành tố trong quan hệ này có chức năng, mục tiêu hoạt động khác nhau với những mong muốn về lợi ích khác nhau. Với chức năng tạo ra của cải,

doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận nên mong muốn của họ là lợi nhuận. Nhà nước là cơ quan quyền lực nên sử dụng quyền lực để định hướng xã hội, mong muốn của mọi nhà nước là xã hội ngày càng phát triển dưới sự dẫn dắt và quản lý của mình. Người dân vừa là người lao động, cung cấp một đầu vào quan trọng cho thị trường và vừa là người tiêu dùng nên mục tiêu của họ là có được thu nhập để đảm bảo cuộc sống ngày càng tốt hơn.

Một xã hội theo hướng thị trường muốn phát triển, cần có sự cân bằng lợi ích giữa các thành tố trên. Bởi lẽ, nếu quá nhấn mạnh thị trường sẽ tạo ra một xã hội chỉ vì lợi lộc mà bỏ qua tất cả những giá trị nhân văn của cuộc sống; nếu nhấn quá mạnh về nhà nước dẫn nhà nước đến chỗ ôm đồm quyền lực muốn làm tất cả, dẫn đến quá sức và dễ bị tha hóa, trả giá đắt; còn nếu quá nhấn mạnh đến lợi ích của người dân là điều không thể thực hiện được, bởi lẽ khi đó xã hội sẽ không đủ của cải để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng luôn được đẩy lên của người dân vì tiêu dùng không thể vượt quá khả năng của cải hiện có.

Trong ba thành tố đó thì doanh nghiệp và nhà nước có lợi thế hơn, bởi họ có lợi nhuận và quyền lực. Điều đó dễ dẫn đến tình trạng lợi dụng lợi thế đó mà doanh nghiệp và nhà nước cấu kết với nhau, nảy sinh “quan hệ hậu trường”, dẫn đến lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, tham nhũng... làm tổn hại đến lợi ích của người dân. Vì thế cần phải có thể chế tổ chức để cân bằng lợi ích của ba thành tố này trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện đại.

Xuất phát từ đó, các nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay tồn tại bộ ba: Kinh tế thị trường - Xã hội dân sự - và Nhà nước pháp quyền như là một thể chế cân bằng lợi ích. Khi thị trường với nguyên tắc tự do cạnh tranh được tôn trọng thì các doanh nghiệp hoạt động bình đẳng, người tài giỏi hơn, có năng suất chất lượng cao hơn thì đạt hiệu quả hơn, sẽ tồn tại và phát triển. Người yếu kém sẽ bị thua thiệt và bị loại khỏi thị trường. Chính vì thế kinh tế thị trường là sự chọn lọc để phát triển. Nhà nước pháp quyền không thể tùy tiện trong việc đưa ra các quyết định mà không phải chịu trách nhiệm, bởi khi đó sẽ được luật pháp điều chỉnh. Xã hội dân sự là cơ chế giám sát quyền lực, ngăn chặn suy đồi đạo đức, lạm dụng quyền lực cũng như sự cấu kết của các chủ thể trong hai thành tố còn lại để khắc phục tác động “hậu trường”, chống lũng đoạn, tham nhũng, lợi ích nhóm.

Ở nước ta, hiện nay hai thành tố là kinh tế thị

trường và nhà nước pháp quyền đã được thừa nhận, mặc dù nhiều vấn đề cần phải tiếp tục bổ sung hoàn thiện để hội nhập với bản chất của nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường hiện đại. Thành tố thứ ba là Xã hội dân sự đến nay vẫn chưa được thừa nhận.

Thực tế trong các văn kiện Đại hội, Đảng ta luôn chú ý đến các khía cạnh liên quan đến người dân, đến dân chủ. Chẳng hạn Văn kiện Đại hội lần thứ XI viết “Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ tham gia quản lý xã hội của nhân dân... Thực hiện tốt hơn quy chế dân chủ cơ sở và pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã phường, thị trấn. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội...” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, tr.239). Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện đại muốn thực hiện được những ý tưởng trên đây cần phải có thể chế Xã hội dân sự. Vì thế chúng tôi kiến nghị:

(i) Cần phải thống nhất và thừa nhận sự tất yếu tồn tại xã hội dân sự của một nước có nền kinh tế thị trường hiện đại với tư cách là một trong ba bộ phận cân bằng lợi ích;

(ii) Tiếp tục bổ sung những vấn đề liên quan đến công dân, như quyền tự do của người dân, tổ chức vận hành của Xã hội dân sự và thể chế hóa mối quan hệ giữa Xã hội dân sự với Kinh tế thị trường và Nhà nước pháp quyền,...

(iii) Đảng ta cần thừa nhận vấn đề Xã hội dân sự để xây dựng và thực hiện bộ ba cân bằng lợi ích: Kinh tế thị trường- Xã hội dân sự- Nhà nước pháp quyền cho phù hợp với nguyên tắc phổ biến của các nền kinh tế thị trường nhằm thực hiện dân chủ về kinh tế, kiểm soát và điều tiết hoạt động kinh tế- xã hội có hiệu quả.

Chúng tôi cho rằng, đó là phương pháp căn bản, tích cực, hữu hiệu nhất để không những khắc phục được tồn tại, yếu kém, giải quyết được những vấn đề xã hội bức xúc hiện nay, mà còn có thể chế thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, tự do, dân chủ, công bằng và văn minh trong nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam.

2.7. Tư duy về thể chế kinh tế

Hiện nay, hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế vẫn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới mạnh mẽ hoạt động quản lý kinh tế- xã hội của đất nước. Hệ thống pháp luật được ban hành mới đáp ứng được yêu cầu về số

lượng, chưa đạt yêu cầu về chất lượng.

Vấn đề trầm trọng nhất của hệ thống luật pháp và thể chế kinh tế nước ta là hiệu lực thi hành yếu kém. Hiệu lực thực thi luật pháp yếu kém bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Nhận thức về nhà nước pháp quyền còn yếu kém, chưa đầy đủ trong cán bộ đến nhân dân, từ cơ quan nhà nước đến doanh nghiệp. Thể chế kinh tế hiện hành vẫn chưa xác định đủ rãnh mạch và rõ ràng về vai trò, chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam. Vai trò “cầm lái”, dẫn dắt và điều tiết nền kinh tế vẫn mờ nhạt, trong khi lại nặng về ôm đồm, xử lý tình huống, sự việc, can thiệp hành chính. Tình trạng quản lý thiếu chiến lược dài hạn mà chỉ mang tính ngắn hạn, thiếu chủ động mang tính đối phó bị động.

Chưa tạo được hành lang pháp lý môi trường kinh doanh đầy đủ cho các doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế bình đẳng kinh doanh, tự chủ kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển sản xuất, kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Thể chế kinh tế ở nước ta vẫn chưa thực sự tôn trọng vai trò và chức năng của thị trường, chưa coi thị trường là một thực thể khách quan, vận động và phát triển theo những quy luật vốn có của nó.

Vẫn còn có nhận thức cho rằng Nhà nước đứng ngoài thị trường, điều khiển thị trường; coi thị trường là do Nhà nước thiết lập và vận hành, chứ không phải là thực thể khách quan. Do nhận thức chưa đầy đủ về bản chất của Nhà nước và thị trường cũng như mối quan hệ biện chứng giữa Nhà nước và thị trường, nên trong thực tiễn chưa có sự đổi mới căn bản về vai trò, chức năng của Nhà nước theo mô hình kinh tế thị trường hiện đại.

Xuất phát từ đó nhóm tác giả khuyến nghị:

(i) Tập trung xây dựng thể chế kinh tế theo hướng tăng cường năng lực quản trị, năng lực dân chủ và năng lực lan tỏa.

(ii) Tập trung xây dựng nhà nước pháp quyền theo hướng thật sự bảo đảm được tính độc lập cần thiết của ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, đặc biệt là có sự kiểm soát lẫn nhau giữa ba quyền đó có hiệu lực hiệu quả.

(iii) Đổi mới cơ cấu Quốc hội giữa hai phần chuyên trách và bán chuyên trách theo hướng tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách; trong một số trường hợp đặc biệt có thể chấp nhận người đứng đầu cơ quan hành pháp, tư pháp tham gia vào cơ

quan lập pháp còn lại những người trong cơ quan hành pháp, tư pháp không nằm ở cơ quan lập pháp.

(iv) Đổi mới bộ máy Chính phủ và chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực hiệu quả, vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò có tính quyết định của người đứng đầu; chỉ sử dụng những cán bộ, công chức có đủ năng lực và phẩm chất tốt, chú trọng sử dụng người tài; gắn liền giữa quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình. Thực hiện công bằng cho con người và văn minh xã hội. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, không có vùng cấm theo chức vụ trong Đảng, chính quyền, không giới hạn về đương chức hay đã về hưu, tất cả đều bình đẳng trước pháp luật, phấn đấu để nước ta đứng vào diện những quốc gia hàng đầu thế giới về minh bạch không tham nhũng. Môi trường sống được gìn giữ trong sạch, bền vững; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

(v) Trong quản lý nền kinh tế, cần tôn trọng quy luật tự do cạnh tranh bình đẳng của thị trường; Xây dựng một cơ chế thị trường thực sự và đầy đủ, xóa bỏ hết các yếu tố bao cấp, xin - cho để tạo ra thị trường được xây dựng trên nguyên tắc tự do cạnh tranh, tạo ra sự cạnh tranh thật sự lành mạnh, sôi động. Cần hoàn thiện và tổ chức thực thi tốt Luật Cạnh tranh.

(vi) Xác định lại chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường là Nhà nước khắc phục thất bại thị trường và cải thiện công bằng xã hội; sự can thiệp của Nhà nước phải theo nguyên tắc thị trường, được thực hiện bằng hệ thống luật pháp và các công cụ kinh tế vĩ mô; phải theo hướng giảm thiểu mức độ, quy mô, phạm vi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

(vii) Phải coi việc thực hiện nghiêm luật pháp là lực lượng vật chất to lớn cho sự phát triển.

2.8. Tư duy về chủ thể của nền kinh tế

Qua nghiên cứu sự phát triển về kinh tế của xã hội loài người kể từ khi con người xuất hiện đến nay, trừ nền kinh tế hái lượm ở thời kỳ mông muội, chúng tôi thấy rằng, nền kinh tế được hình thành và phát triển từ nền kinh tế nông nghiệp, đến nền kinh tế công nghiệp và nền kinh tế tri thức. Mỗi nền kinh tế là một giai đoạn lịch sử, một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của xã hội loài người, nhất là trên các khía cạnh: Trình độ phát triển của con

người (về trí lực, thể lực, mức sống...), trình độ phát triển của khoa học và công nghệ (cả nghiên cứu và ứng dụng) và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Trong quá trình phát triển, mỗi nền kinh tế thường có nhiều tầng lớp dân cư tham gia xây dựng và phát triển, song bao giờ cũng có tầng lớp dân cư tiên phong, đóng vai trò quyết định, và đó là một tất yếu lịch sử. Trong nền kinh tế nông nghiệp, tầng lớp có vai trò quyết định (chủ thể của nền kinh tế) là nông dân và chủ đất (địa chủ); trong nền kinh tế công nghiệp đó là công nhân và nhà tư bản; trong nền kinh tế tri thức chắc chắn đó phải là đội ngũ trí thức và đội ngũ doanh nhân.

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại (hay nền kinh tế tri thức), mà vẫn giữ tư duy: “giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, giai cấp nông dân là đội quân chủ lực và liên minh Công-Nông-Trí giữ vai trò quyết định sự phát triển của đất nước”, thì chắc chắn khó đạt được mục tiêu đã đề ra.

Đề tài kiến nghị, trong giai đoạn phát triển những năm tiếp theo, Việt Nam muốn tiến nhanh, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và sớm đuổi kịp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, thì cần phải coi đội ngũ Trí thức và đội ngũ Doanh nhân là chủ thể chính của nền kinh tế, có vai trò dẫn dắt nền kinh tế và làm giàu cho đất nước.

2.9. Tư duy về hội nhập kinh tế và độc lập tự chủ

Trong 30 năm qua, đường lối đối ngoại của Việt Nam đã có nhiều thay đổi phù hợp với xu thế mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới. Khẩu hiệu “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới” đã giúp đất nước ta phá bỏ được thế bao vây, cấm vận, hợp tác trong đầu tư và thương mại được với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, thu hút được nhiều nguồn lực lớn phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nói cách khác, chúng ta đã từng bước hội nhập được với các nền kinh tế trên thế giới. Mặt dù thế, tư duy của một số người, trong đó kể cả một số nhà lãnh đạo các cấp vẫn còn phân vân giữa hội nhập với độc lập tự chủ. Đầu đó vẫn còn ý nghi ngại hội nhập làm cho ta mất độc lập tự chủ, cho nên “phải làm theo cách của ta”, “đi theo kiểu của ta”. Vì thế, đưa ra “mô hình của ta” và tự coi đó là “kiểu mới, chưa có trong lịch sử”. Chính điều này

đang là cản trở cho sự phát triển nhanh và vững chắc của kinh tế - xã hội nước ta.

Xuất phát từ đó, nhóm tác giả cho rằng, cần nhận thức được là hội nhập và độc lập tự chủ có sự thống nhất biện chứng. Trong bối cảnh hiện đại, nếu không hội nhập mà độc lập tự chủ theo kiểu tách mình khỏi xu hướng chung của thế giới là tự cô lập mình, không thể phát triển nhanh và bền vững được. Nếu chúng ta hội nhập càng sâu, đầu tư và thương mại của ta ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ kinh tế quốc tế thì điều đó chứng tỏ chúng ta có độc lập tự chủ ngày càng cao, vị thế kinh tế, chính trị của ta ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Khi tỷ trọng đầu tư, thương mại trong quan hệ kinh tế quốc tế tăng lên, đặc biệt là cân bằng được cán cân đầu tư và thương mại trong quan hệ kinh tế quốc tế, chứng tỏ được tính độc lập tự chủ của nước ta được nâng cao, thì chúng ta hội nhập càng thắng lợi.

Vì thế để hội nhập kinh tế và đảm bảo độc lập tự chủ về kinh tế chúng tôi kiến nghị: (i) Đẩy mạnh hoạt động đầu tư và thương mại của nước ta trong quan hệ kinh tế quốc tế với các nước, các khối kinh tế quốc tế và khu vực; (ii) Cùng với việc thu hút đầu tư nước ngoài, cần chú ý cải thiện môi trường kinh doanh khuyến khích các nhà đầu tư nước ta đầu tư ra nước ngoài, giảm dần sự mất cân đối giữa thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài; (iii) Cải thiện cán cân thương mại theo hướng giảm dần nhập siêu để tiến tới xuất siêu.

2.10. Tư duy về mô hình phát triển bền vững, thoát bẫy thu nhập trung bình

Nghiên cứu cho rằng, mô hình tăng trưởng mà chúng ta thực hiện trong 30 năm qua đang bộc lộ những điểm yếu cơ bản và nguy cơ phát triển thiếu bền vững và rơi vào bẫy thu nhập trung bình là rất hiện hữu. Điều đó thể hiện ở một số điểm sau đây: Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng tương đối cao nhưng chưa tạo tiền đề để thoát khỏi bẫy thu nhập trung

bình. Thứ hai, chất lượng tăng trưởng thấp và khả năng để đạt được mức thu nhập trung bình cao là khá lâu dài. Thứ ba, cơ cấu kinh tế lạc hậu và kém hiệu quả. Thứ tư, mức sống, mức thu nhập thực của dân cư có xu hướng giảm dần, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết; sự cạn kiệt nguồn tài nguyên và môi trường sinh thái bị tàn phá, suy thoái ở mức báo động.

Xuất phát từ đó nhóm tác giả khuyến nghị: Đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng các nguồn lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu hàng đầu nhằm vừa đảm bảo phát triển kinh tế, vượt bẫy thu nhập trung bình; nâng cao thu nhập quốc dân xanh, phát triển kinh tế luôn gắn với bảo vệ môi trường và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Muốn vậy cần: (i) Phải đổi mới và tái cơ cấu lại nền kinh tế; (ii) Cách thức tăng trưởng cân đối hơn giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng cao năng suất lao động xã hội; (iii) Thực hành triệt để chính sách tiết kiệm, chống lãng phí; (iv) Thực hiện chính sách thúc đẩy tất cả các vùng trong cả nước cùng phát triển, trong đó, kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tự chủ phát triển trên cơ sở lợi thế riêng có của địa phương, nhưng không trở thành nền kinh tế “con”, phá vỡ cơ cấu kinh tế vùng; cơ cấu kinh tế vùng phải là một bộ phận hữu cơ trong cơ cấu chung của nền kinh tế; (v) Với tư cách là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế đều phát triển bình đẳng và không phân biệt đối xử; (vi) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hội nhập và định hướng xuất khẩu, kết nối được nền kinh tế nước ta với kinh tế khu vực và toàn cầu, cải thiện và nâng cao vị thế của doanh nghiệp, của ngành và cả nền kinh tế nước ta trong chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời, chú ý hợp lý hơn đến nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước; (vii) Kết hợp hài hòa vai trò của Nhà nước và thị trường trong phân bổ nguồn lực

Tài liệu tham khảo

‘Kinh tế cộng hòa nhân dân Trung Hoa’ (2015), *wikipedia*, < https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1%BA%BF_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Trung_Hoa>.

Đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 30/1/2008 của Ban chấp hành trung ương Đảng về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, <http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30668&cn_id=20935>.

Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. NXB Sự thật, Hà Nội.

- Lê Du Phong (2015), *Bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam hiện nay*, Báo cáo chuyên đề của đề tài KX01.12/11-15, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Lương Xuân Quỳnh (2015), *Tư duy mới về phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*, Báo cáo tổng hợp đề tài KHCV cấp nhà nước KX01.12/11-15, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Tổng cục thống kê (2015), *Nền kinh tế đã tụt hậu?*, Báo cáo của Tổng cục thống kê tại cuộc hội thảo “Cải cách thể chế kinh tế Việt Nam để hội nhập và phát triển giai đoạn 2015-2035”, ngày 28/8/2015 ở Hà Nội, <<http://www.vnep.org.vn/vi-VN/Tin-moi/Nen-kinh-te-da-tut-hau-019.html>>, cập nhật 01/09/2015
- Viết Cường (2015), *Năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn Lào*, <<http://news.zing.vn/Nang-suat-lao-dong-cua-Viet-Nam-thap-hon-Lao-post516073.html>> ngày 27/02/2015>.

Thông tin nhóm tác giả:

***Lương Xuân Quỳnh**, Giáo sư, tiến sĩ khoa học

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, marketing
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: quylx@neu.edu.vn

**** Lê Du Phong**, Giáo sư, tiến sĩ khoa học

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Nông nghiệp, nông thôn
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: leduphong43@yahoo.com.vn

***** Mai Ngọc Cường**, Giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, tài chính giáo dục, kinh tế các vấn đề xã hội
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: cuong.ktpt@gmail.com

****** Đỗ Đức Bình**, Giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế và kinh doanh quốc tế
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: binhdd302@yahoo.com

******* Hoàng Văn Hoa**, Giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, lịch sử kinh tế
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hoahv@neu.edu.vn